|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ- UBND  “Dự thảo” | *Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và Phương thức quản lý**

**xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh**

**(không bao gồm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy);**

**các xã, phường thuộc tỉnh Thanh Hóa**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày / /2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy); các xã, phường thuộc tỉnh Thanh Hóa*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy); các xã, phường (bao gồm Đảng ủy cấp xã) và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy) có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP). Bao gồm:

+ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh;

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cáctổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Các đơn vị thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh;

+ Các xã, phường (bao gồm Đảng ủy cấp xã).

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2: Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy); các xã, phường thuộc tỉnh Thanh Hóa**

*(chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thanh Hóa.**

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp” (phương thức quản lý trực tiếp).

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 và quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4 Quyết định;  - Bộ Tài chính (để B/c)  - Thưởng trực Tỉnh ủy (để b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa;  - Lưu: VT, KTTC. (thht) | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**    **Đỗ Minh Tuấn** |
|  |  |

**Phụ lục**

**PHÂN BỔ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025*

*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **Số lượng xe tối đa** |
|  | **Tổng cộng** | **582** |
| **I** | **Các Văn phòng cấp tỉnh** | **14** |
| **1** | **Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa** | 7 |
| **2** | **Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa** | 7 |
| **II** | **Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hoá** | **5** |
| **III** | **Các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh** | **211** |
| **1** | **Sở Tài chính** | **5** |
| **2** | **Thanh tra tỉnh** | **5** |
| **3** | **Sở Ngoại vụ** | **2** |
| **4** | **Sở Nội vụ** | **7** |
| **4.1** | **Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc có biên chế dưới 20 người** | **5** |
| **-** | Cơ quan Sở | 3 |
| **-** | Trung tâm Điều dưỡng người có công | 1 |
| **-** | Trung tâm Dịch vụ việc làm | 1 |
| **4.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | **2** |
| **-** | Trung tâm Chăm sóc, nuôi dưỡng người có công | 1 |
| **-** | Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh | 1 |
| **5** | **Sở Xây dựng** | **6** |
| **5.1** | **Cơ quan Sở** | 5 |
| **5.2** | **Đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | 1 |
| **-** | Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng | 1 |
| **6** | **Sở Tư pháp** | **4** |
| **6.1** | **Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc có biên chế dưới 20 người** | 3 |
| **-** | Cơ quan Sở | 3 |
| **6.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | 1 |
| **-** | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước | 1 |
| **7** | **Sở Công Thương** | **8** |
| **7.1** | **Cơ quan Sở** | 3 |
| **7.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | 5 |
| - | Chi cục Quản lý thị trường | 3 |
| **-** | Trường Trung cấp Thương mại Du lịch | 1 |
| **-** | Trung tâm Xúc tiến Công Thương Thanh Hóa | 1 |
| **8** | **Sở Nông nghiệp và Môi trường** | **22** |
| **8.1** | **Cơ quan sở và các đơn vị trực thuộc có biên chế dưới 20 người** | **6** |
| **-** | Cơ quan Sở | 5 |
| **-** | Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường | 1 |
| **8.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | **16** |
| **-** | Chi cục Thuỷ lợi | 1 |
| **-** | Chi cục Phát triển nông thôn | 1 |
| **-** | Chi cục Biển đảo và Thủy sản | 1 |
| **-** | Chi cục Chăn nuôi và Thú y | 1 |
| **-** | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 1 |
| **-** | Chi cục Kiểm Lâm | 3 |
| **-** | Ban quản lý Vườn quốc gia Bến En | 1 |
| **-** | Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Liên | 1 |
| **-** | Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu | 1 |
| **-** | Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông | 1 |
| **-** | Trung tâm Khuyến nông | 1 |
| **-** | Ban QL rừng phòng hộ Quan Sơn | 1 |
| **-** | Ban QL rừng phòng Thường Xuân | 1 |
| **-** | Ban QL rừng phòng hộ Như Thanh | 1 |
| **-** | Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Đông Sơn | 0 |
| **9** | **Sở Khoa học và Công nghệ** | **3** |
| - | Cơ quan Sở | 3 |
| **10** | **Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | **12** |
| **10.1** | **Cơ quan sở và các đơn vị trực thuộc có biên chế dưới 20 người** | 6 |
| **-** | Cơ quan Sở | 3 |
| **-** | Bảo tàng tỉnh | 1 |
| **-** | Trung tâm Bảo tồn Di sản thành Nhà Hồ | 1 |
| **-** | Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo Thanh Hóa | 1 |
| **10.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | **6** |
| **-** | Thư viện tỉnh | 1 |
| **-** | Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và bảo tồn di sản văn hóa Thanh Hóa | 1 |
| **-** | Trung tâm Xúc tiến Du lịch và Văn hóa, Điện ảnh Thanh Hóa | 1 |
| **-** | Nhà hát Nghệ thuật Lam Sơn Thanh Hóa | 2 |
| **-** | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao | 1 |
| **11** | **Sở Giáo dục và Đào tạo** | **6** |
| **11.1** | **Cơ quan sở và các đơn vị trực thuộc có biên chế dưới 20 người** | **4** |
| **-** | Cơ quan Sở | 3 |
| - | Trường Trung cấp nghề Miền núi | 1 |
| **11.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | **2** |
| - | Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Kỹ thuật tổng hợp | 1 |
| - | Trường THPT chuyên Lam Sơn | 1 |
| **12** | **Sở Y tế** | **126** |
| **12.1** | **Cơ quan sở và các đơn vị trực thuộc có biên chế dưới 20 người** | **3** |
| **-** | Cơ quan Sở | 3 |
| **12.2** | **Các đơn vị trực thuộc có biên chế từ 20 người trở lên** | **10** |
| - | Chi cục Dân số | 1 |
| - | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm | 1 |
| **-** | Trung tâm Kiểm nghiệm | 1 |
| **-** | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | 2 |
| **-** | Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa | 1 |
| **-** | Trung tâm Bảo trợ xã hội | 1 |
| **-** | Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 | 1 |
| **-** | Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em | 1 |
| **-** | Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người thâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi | 1 |
| **12.3** | **Các bệnh viện** | **86** |
| - | Bệnh viện đa khoa tỉnh | 3 |
| - | Bệnh viện Phụ sản | 3 |
| - | Bệnh viện Nhi | 3 |
| **-** | Bệnh viện Ung bướu | 3 |
| **-** | Bệnh viện Tâm thần | 3 |
| **-** | Bệnh viện Phổi | 3 |
| **-** | Bệnh viện Y dược cổ truyền | 3 |
| **-** | Bệnh viện Nội tiết | 2 |
| **-** | Bệnh viện Mắt | 2 |
| **-** | Bệnh viện Da liễu | 2 |
| **-** | Bệnh viện Phục hồi chức năng | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc | 3 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn | 3 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Hạc Thành | 3 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Bỉm Sơn | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Hà Trung | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Nga Sơn | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Nông Cống | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Quảng Xương | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Đông Sơn | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Yên Định | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Vĩnh Lộc | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Thạch Thành | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Cẩm Thuỷ | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Lang Chánh | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Bá Thước | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Quan Hóa | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Quan Sơn | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Mường Lát | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Thường Xuân | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Như Xuân | 2 |
| **-** | Bệnh viện đa khoa Như Thanh | 2 |
| **12.4** | **Trung tâm y tế** | **27** |
| **-** | Trung tâm Y tế Hạc Thành | 2 |
| **-** | Trung tâm Y tế Sầm Sơn | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Bỉm Sơn | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Hà Trung | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Nga Sơn | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Hậu Lộc | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Hoằng Hóa | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Nghi Sơn | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Nông Cống | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Quảng Xương | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Thiệu Hóa | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Yên Định | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Vĩnh Lộc | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Triệu Sơn | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Thọ Xuân | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Thạch Thành | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Cẩm Thuỷ | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Ngọc Lặc | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Lang Chánh | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Bá Thước | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Quan Hóa | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Quan Sơn | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Mường Lát | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế Thường Xuân | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế huyện Như Xuân | 1 |
| **-** | Trung tâm Y tế huyện Như Thanh | 1 |
| **13** | **Sở Dân tộc và Tôn giáo** | 2 |
| **14** | **Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp** | 3 |
| **-** | Văn phòng Ban | 3 |
| **IV** | **Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực trực thuộc UBND tỉnh** | **8** |
| **1** | **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa** | 2 |
| **2** | **Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa** | 2 |
| **3** | **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa** | 2 |
| **4** | **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa** | 2 |
| **V** | **Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh** | **12** |
| **1** | **Viện Nông nghiệp Thanh Hóa** | 2 |
| **2** | **Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hoá** | 2 |
| **3** | **Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa** | 1 |
| **4** | **Trường Đại học Hồng Đức** | 2 |
| **5** | **Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa** | 1 |
| **6** | **Trường Cao đẳng công nghiệp Thanh Hóa** | 2 |
| **7** | **Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn** | 1 |
| **8** | **Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa** | 1 |
| **VI** | **CẤP XÃ (166 xã, phường)** | **332** |